

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01/2025/DS-ST**
ngày 09/01/2025

V/v Đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lương Văn Phúc và ông Bế Văn Hạnh

Thư ký phiên tòa: bà Lục Thu Hồng - Thư ký TAND huyện Quảng Hòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên

Ngày 09/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2024/TLST-DS ngày 03/10/2024 về việc: “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-DS ngày 27/11/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 1347/QĐ-TA ngày 18/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lương Văn B

CCCD số 004087000xxx cấp ngày: 05/4/2021.

Địa chỉ: xóm K, xã S, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt.

- Bị đơn: Hà Văn B1

Địa chỉ: xóm N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Vắng mặt không có lý do.

- Người làm chứng: Ma Kiên H

Địa chỉ: xóm N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Tôi và anh Hà Văn B1 là bạn bè quen biết. Tháng 5/2022 anh Hà Văn B1 đến gặp tôi đặt vấn đề mua vật liệu để xây nhà. Tôi đã chở nhiều chuyến vật liệu gồm gạch, cát, xi măng cho anh B1. Sau khi anh B1 nhận đủ vật liệu và xây nhà xong, tôi đã nhiều lần đến nhà anh ta đề nghị thanh toán tiền vật liệu (là tiền tôi đã thanh toán cho các chủ cửa hàng khi lấy vật liệu cho anh B1). Nhưng từ cuối năm 2022 sau nhiều lần tôi đến gặp đòi nợ, anh B1 vẫn thừa nhận số tiền vật liệu

còn nợ tôi là 43.810.000,đ (bốn mươi ba triệu tám trăm mười nghìn đồng), anh B1 viết giấy cam kết đến ngày 14/6/2023 sẽ trả tôi 30.000.000đ, số còn lại 13.810.000,đ hẹn đến ngày 29/6/2023 âm lịch sẽ trả đủ. Nhưng quá hạn, anh B1 mới trả cho tôi 2.000.000,đ (hai triệu đồng) từ đó không trả tiền cho tôi và cũng không có thông tin gì. Tôi đã nhắc nhở, thúc giục anh B1 trả nợ, nhưng anh ta chây ì không trả nên tôi lại phải tìm gặp anh B1 đòi nợ, anh B1 viết giấy xác nhận còn nợ tôi 41.810.000,đ (Bốn mươi một triệu tám trăm mười nghìn đồng) và thỏa thuận mỗi tháng sẽ trả tôi 2.000.000,đ (hai triệu đồng) nhưng anh B vẫn không thiện chí trả nợ. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa buộc anh Hà Văn B1 có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ là 41.810.000,đ (bốn mươi một triệu tám trăm mười nghìn đồng) cho tôi.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn Hà Văn B1 cố tình trốn tránh không hợp tác, không có người thân sinh sống cùng, nhà khóa cửa.

Tòa án đã triệu tập ông Ma Kiên H, ông H khai nhận có được chứng kiến và ký vào giấy nhận nợ của anh Lương Văn B và Hà Văn B1 với tư cách là người làm chứng, đồng thời là trưởng xóm thời kỳ đó.

[3] Tại phiên tòa ngày 18/12/2024, bị đơn Hà Văn B1 tiếp tục vắng mặt không có lý do, cho nên phải hoãn phiên tòa lần 1.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh Hà Văn B1 phải trả số tiền còn nợ là 41.810.000,đ (Bốn mươi một triệu tám trăm mười nghìn đồng), không yêu cầu lãi do chậm trả tiền. Còn bị đơn Hà Văn B1 tiếp tục vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện bị đơn đã tự mình từ bỏ quyền tham gia tố tụng, do đó Tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ của vụ án và qua phần thẩm vấn công khai tại phiên tòa, nhận thấy giữa bị đơn Hà Văn B1 có ký giấy chốt nợ số tiền 41.810.000,đ với nguyên đơn Lương Văn B. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 12, 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả số tiền 41.810.000,đ và phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Các đương sự có xác lập hành vi ký giấy chốt nợ tiền chưa thanh toán, đây là quan hệ pháp luật “Kiện đòi tài sản” theo quy định Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự việc được ký kết (giấy chốt nợ) ngày 05/6/2023, vì vậy sẽ áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình hỏi công khai tại phiên tòa, nhận thấy vào các ngày 05/6/2023 và ngày 29/12/2023 âm lịch anh Hà Văn B1 có lập giấy chốt nợ anh Lương Văn B số tiền 41.810.000,đ (Bốn mươi một triệu tám trăm mười nghìn đồng) có sự chứng kiến của ông Ma Kiên H, được ông Ma Kiên H thừa nhận.

Mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn Hà Văn B1 cố tình không hợp tác, tự mình từ bỏ quyền lợi tham gia tố tụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên và yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 12, 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, nay xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Hà Văn B1 phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Lương Văn B số tiền 41.810.000,đ (Bốn mươi một triệu tám trăm mười nghìn đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị đơn chậm thanh toán sẽ phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo quy định của Ngân hàng nhà nước hoặc theo sự thoả thuận của các bên đương sự (nếu có), nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2017 và theo quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2] Về án phí: Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Bị đơn Hà Văn B1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.090.500,đ (Hai triệu không trăm chín mươi nghìn năm trăm đồng) để sung ngân sách nhà nước.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Ngọc Động;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nông Thanh Điệp